

Bản án số: 374/2026/HS-ST
Ngày: 08-6-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Hồng Sơn

Thẩm phán: Bà Đoàn Thị Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Võ Thị Nam

2/ Bà Phạm Thị Thanh Mẫn

3/ Ông Đặng Phi Công

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Bùi Huy Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Ông Trần Quang Trung - Kiểm sát viên

Trong ngày 08 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 485/2026/TLST-HS ngày 16/4/2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 3379/2026/QĐXXST-HS ngày 22/5/2026 đối với bị cáo:

Trần Thanh S; sinh ngày 12/3/1967 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi thường trú và chỗ ở trước khi bị bắt: 1052f Lê Đức A (Quốc lộ A cũ), phường T, quận B (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T (đã chết) và bà Trần Thị T1, sinh năm 1948; bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị Kim D, sinh năm 1986 và có 02 người con (con lớn, sinh năm 1999 và con nhỏ, sinh năm 2011); tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 11/3/2025 đến nay tại Trại tạm giam C, Công an Thành phố H. (Có mặt tại phiên tòa)

- *Người bào chữa chỉ định cho bị cáo:* Bà Lê Thị Quỳnh A1, luật sư thuộc Công ty L2 và Cộng sự, Đoàn luật sư Thành phố H. (Có mặt tại phiên tòa)

- *Bị hại:* Trần Thanh N, sinh năm 1974 (đã chết)

Đại diện hợp pháp của bị hại, gồm:

1. Bà Trần Thị T1, sinh năm 1948 (là mẹ đẻ của bị hại)

Trú tại: Số nhà A, Tỉnh Lộ 10, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt tại phiên tòa)

2. Bà Trần Thị Kim L, sinh năm 1973 (là vợ của bị hại)

Trú tại: Số nhà A, Tỉnh Lộ 10, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt tại phiên tòa)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Trần Thị Kim L: Bà Lưu Phương T2, luật sư thuộc Công ty L3, Đoàn Luật sư Thành phố H. (Có mặt tại phiên tòa)

3. Bà Trần Thị Hồng H, sinh năm 1998 và ông Trần Thanh T3, sinh năm 2000 (là con ruột của bị hại)

Cùng trú tại: Số nhà A, Tỉnh Lộ 10, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt tại phiên tòa)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Kim D, sinh năm 1973

Trú tại: Số nhà A Tỉnh lộ 10, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt tại phiên tòa)

2. Ông Trần Phong L1, sinh năm 1969

Trú tại: Số nhà E T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt tại phiên tòa)

3. Ông Trần Thanh N1, sinh năm 1972

Trú tại: Số nhà A Tỉnh lộ 10, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt tại phiên tòa)

4. Bà Lê Thị Xuân N2, sinh năm 1977

Trú tại: Số nhà A Tỉnh lộ 10, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mâu thuẫn trong việc tranh chấp đất đai giữa Trần Thanh S và anh Trần Thanh N (em của S) nên giữa S và ông N đã nhiều lần xảy ra cự cãi nhau. Ngày 06/3/2025, S đi mua 01 con dao bầu, cán bằng gỗ, bản rộng khoảng 10cm, lưỡi sắc và 01 con dao Thái Lan, cán màu đen, mũi nhọn mục đích dùng để bán hàng giò, chả và khi đến địa chỉ Số 1119 Tỉnh lộ 10, phường T, quận B (nay là phường B), Thành phố Hồ Chí Minh, thì S giấu hai con dao trên vào trong lưng quần phía trước bụng rồi đi đến nhà của ông N. Khi đến nơi, S đi vào trong nhà

nói chuyện với bà Trần Thị T1 (mẹ ruột) về việc hứa hẹn phân chia đất đai. Đến khoảng 09 giờ 10 phút cùng ngày, S đi ra phía trước nhà thì thấy ông N đang ngồi sửa xe trước cửa nên đến hỏi về việc mở đường phía trước phần đất của ông N để đi vào khu đất phía sau của S nhưng ông N không đồng ý. Lúc này, S lấy con dao bầu chém 04 nhát trúng vào đầu nên ông N bỏ chạy, S vứt con dao bầu bên lề đường rồi đuổi theo ông N đến trước địa chỉ Số A Tỉnh lộ 10, phường B thì ông N bị té ngã. S đuổi kịp và lấy con dao Thái Lan đâm liên tiếp nhiều nhát vào ngực làm ông N chết tại chỗ. Khi thấy ông N nằm gục dưới đất, S dùng dao đâm vào bụng để tự tử thì lưỡi dao bị gãy nên S chạy vào quán cơm, địa chỉ số A Tỉnh lộ 10, phường B lấy cây kéo tự đâm vào người và lấy nước sôi đang để trên bếp của quán cơm dội vào người rồi đi đến khu vực cầu dao điện tưới nước vào ổ điện nên bị điện giật nằm bất tỉnh. Lúc này, bà Trần Thị Kim L (vợ ông N) phát hiện nên gọi xe đưa S đến bệnh viện C cấp cứu rồi đến Công an phường T trình báo. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận B, Thành phố Hồ Chí Minh phối hợp với các cơ quan chức năng tiến hành khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, thu giữ con dao là hung khí mà S sử dụng chém và đâm ông N.

Kết luận giám định tử thi số 3536/KL-KTHS ngày 21/4/2025 của Phòng K Công an Thành phố H, đối với Trần Thanh N kết luận: Nguyên nhân chết là do *“Đa vết thương đâm thủng hai phổi, đứt tim, động mạch chủ ngực và thực quản”*.

Kết luận giám định số 3433/KL-KTHS ngày 24/02/2026 của Phòng K Công an Thành phố H, kết luận con dao Thái lan thu giữ của Trần Thanh S sử dụng đâm ông Trần Thanh N, xác định: *“Mẫu cần giám định ký hiệu A3 (đã nêu ở mục II.1) là dao sắc, thuộc Phụ lục 5 “Danh mục có tính sát thương cao” nêu trong Thông tư số 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ C1”*.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H, Trần Thanh S khai nhận do có mâu thuẫn trong việc phân chia đất đai, phần đất của S nằm ở phía sau nên trước đó nhiều lần S đề nghị ông N bán một phần đất để làm đường đi nhưng ông N không đồng ý nên S bức xúc dẫn đến việc S dùng dao chém và đâm ông N. Lời khai nhận của S là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác mà Cơ quan điều tra thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

***Vật chứng vụ án:** 01 cán dao bằng nhựa màu đen; 01 lưỡi dao nhọn bằng kim loại có dính máu dài 12cm và chỗ rộng nhất của lưỡi dao rộng 3 cm; 01 cái chảo bằng kim loại, cán nhựa; 01 kính mắt bị gãy; 01 bao đựng dao tự chế bằng giấy; 01 cây kéo bằng kim loại có vỏ bọc cán màu đen dài 20cm gồm cán dài 9cm và lưỡi kéo dài 11 cm; 01 con dao rọc giấy, cán bằng nhựa màu xanh, lưỡi bằng kim loại; 01 con dao dài khoảng 30 cm, lưỡi bằng kim loại, cán gỗ; 01 cái thau nhựa; 01 áo sơ mi sooc caro; 01 quần tây dài bằng vải; 01 mũ bảo hiểm màu đỏ; 01 đồng hồ; 01 con dao dài khoảng 40 cm, lưỡi bằng kim loại, cán bằng gỗ; 01 đôi dép nhựa màu vàng; 01 mũ lưỡi trai màu xanh; 01 áo thun ngắn màu xám;

***Về phần dân sự:** Bà Trần Thị Kim L (vợ của ông N) là đại diện theo ủy quyền của gia đình bị hại yêu cầu bồi thường tổng số tiền 2.552.000.000 đồng. Bị cáo chưa bồi thường.

***Tại bản Cáo trạng số 856/CT-VKS-P2 ngày 26/3/2026 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Trần Thanh S về tội “Giết người” và “Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng” theo điểm n khoản 1 Điều 123 và khoản 1 Điều 304 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.**

*** Tại phiên tòa hôm nay:**

- Bị cáo Trần Thanh S khai nhận toàn bộ nội dung vụ việc như nội dung bản Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố. Quá trình điều tra bị cáo không bị mớm cung, bức cung, nhục hình, các lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra hoàn toàn tự nguyện, đúng như hành vi phạm tội của bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự, bị cáo đã tác động vợ bị cáo nộp số tiền 300.000.000 đồng vào Thi hành án dân sự Thành phố H để bồi thường cho đại diện hợp pháp của bị hại. Tại phiên tòa, bị cáo đồng ý bồi thường cho đại diện hợp pháp của bị hại về khoản tiền mai táng phí và tiền bồi thường tổn thất tinh thần, các khoản tiền còn lại đề nghị giải quyết theo các quy định của pháp luật.

- Các đại diện hợp pháp của bị hại có mặt đều trình bày xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đồng thời buộc bị cáo phải bồi thường tiền mai táng phí 230.000.000 đồng, tiền tổn thất về tinh thần là 234.000.000 đồng x 03 người thành 702.000.000 đồng và tiền thu nhập bị mất của bị hại (đã chết) là 1.620.000.000 đồng, tổng cộng là 2.552.000.000 đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm kết luận vụ án: Sau khi nêu lại nội dung vụ án, phân tích tính chất và hậu quả của vụ án, trên cơ sở các chứng cứ đã được kiểm tra tại phiên tòa cũng như toàn bộ lời khai của bị cáo và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sau khi nêu các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, đã giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Trần Thanh S về tội “Giết người” và “Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng” theo nội dung của bản Cáo trạng.

Về hình phạt, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 39 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Trần Thanh S tù chung thân, về tội “Giết người”; áp dụng khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 và Điều 55 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Trần Thanh S từ 01 đến 02 năm về tội “Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng”. Tổng hợp hình phạt của hai tội danh, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là tù chung thân.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị buộc bị cáo phải bồi thường cho các đại diện hợp pháp của bị hại, xử lý vật chứng, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Bị cáo Trần Thanh S không tranh luận.

Luật sư Lê Thị Quỳnh A1 bào chữa cho bị cáo như sau: Luật sư không tranh luận về tội danh, khung hình phạt, nhưng mức hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo là nghiêm khắc. Bởi lẽ, việc tranh chấp đất đai giữa bị cáo và bị hại đã phát sinh từ lâu trước khi xảy ra vụ án, làm bị cáo bị bức xúc, thường xuyên mất ngủ, bị cáo nhất thời phạm tội chứ không phạm tội đến cùng, bị cáo đã lớn tuổi, có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu chưa có tiền án, tiền sự, có trình độ văn hóa thấp, quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, trước khi mở phiên tòa bị cáo đã tác động gia đình nộp 300.000.000 đồng để khắc phục hậu quả cho các đại diện hợp pháp của bị hại và được các đại diện hợp pháp của bị hại làm đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, tại phiên tòa các đại diện hợp pháp của bị hại vẫn giữ nguyên yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Luật sư đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo hưởng mức án tù có thời hạn.

Về trách nhiệm dân sự, Luật sư thống nhất về việc bị cáo đồng ý bồi thường cho đại diện hợp pháp của bị hại về khoản tiền mai táng phí và tiền bồi thường tổn thất tinh thần, nhưng không đồng ý về các khoản tiền còn lại.

Bị cáo Trần Thanh S đồng ý lời bào chữa của luật sư và không bào chữa bổ sung, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- *Luật sư Lưu Phương T2 bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Trần Thị Kim L:* Luật sư nhất trí về tội danh và khung hình phạt mà Cáo trạng truy tố, cũng như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đối với bị cáo, song gia đình bị hại vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Về trách nhiệm dân sự, gia đình bị hại giữ nguyên quan điểm đề nghị buộc bị cáo bồi thường số tiền 2.552.000.000 đồng.

- *Bà Trần Thị Kim L thống nhất với lời trình bày của Luật sư T2, không trình bày bổ sung.*

- *Bà Trần Thị Hồng H, ông Trần Thanh T3, ông Trần Phong L1, bà Nguyễn Thị Kim D không trình bày gì khác.*

- *Đại diện Viện kiểm sát đối đáp như sau:* Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội đến cùng đối với bị hại là em út của mình chỉ vì mâu thuẫn nhỏ nhất là thể hiện sự côn đồ, nên giữ nguyên quan điểm về mức án đã đề nghị. Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà Luật sư đưa ra thì đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng nếu có căn cứ.

Qua nội dung đối đáp, đại diện Viện kiểm sát, luật sư, bị cáo đều giữ nguyên quan điểm và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét ra bản án đúng quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại giai đoạn điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Trần Thanh S khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố. Hội đồng xét xử xét thấy lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, các Kết luận giám định tử thi số 3536/KL-KTHS ngày 21/4/2025 và Kết luận giám định số 3433/KL-KTHS ngày 24/02/2026 cùng của Phòng K, Công an Thành phố H, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường và các lời khai, tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.... Từ đó có đủ cơ sở để xác định như sau:

Xuất phát từ mâu thuẫn trong việc tranh chấp trong việc phân chia đất đai giữa Trần Thanh S và anh Trần Thanh N (em S) nên giữa S và ông N đã nhiều lần xảy ra cự cãi nhau, do nhiều lần S đề nghị ông N bán một phần đất để làm đường đi phía sau nhưng ông N không đồng ý, làm S bị bức xúc dẫn đến thường xuyên mất ngủ, nhức đầu. Nên ngày 06/3/2025, S đi mua 01 con dao bầu, cán bằng gỗ, bản rộng khoảng 10cm, lưỡi sắc và 01 con dao Thái Lan, cán màu đen, mũi nhọn giấu vào trong lưng quần phía trước bụng, rồi đi đến nhà của ông N, S vào thăm và nói chuyện với mẹ là bà Trần Thị T1 về vấn đề phân chia đất đai không thực hiện đúng với lời hứa lúc trước, dẫn đến đất của S không mở được lối đi phía sau.

Sau khi nói chuyện xong với bà H1 thì vào khoảng 09 giờ 10 phút ngày 06/3/2025, tại trước số A Tỉnh lộ 10, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh, S đi ra phía trước nhà thì thấy ông N đang ngồi sửa xe trước cửa nên đến hỏi về việc mở đường phía sau phần đất của ông N để đi vào khu đất của S nhưng ông N không đồng ý, nên S lấy con dao bầu chém 04 nhát trúng vào đầu, nên ông N bỏ chạy. S vứt con dao bầu bên lề đường rồi đuổi theo ông N đến trước địa chỉ số A Tỉnh lộ 10, phường B thì ông N bị té ngã. S đuổi kịp rồi lấy con dao Thái Lan đâm liên tiếp nhiều nhát vào ngực ông N gây thủng hai phổi, đứt tim, động mạch chủ ngực và thực quản, làm ông N tử vong. Theo Kết luận giám định tử thi số 3536/KL-KTHS ngày 21/4/2025 của Phòng K Công an Thành phố H, thì nguyên nhân chết do *“Đa vết thương đâm thủng hai phổi, đứt tim, động mạch chủ ngực và thực quản”*. Sau khi đâm ông N, bị cáo Trần Thanh S đã dùng dao, kéo, nước sôi, điện để tự sát nhưng không thành.

Khi thực hiện hành vi giết người thì bị cáo Trần Thanh S có đủ độ tuổi và năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện với lỗi cố ý, bị cáo đã chuẩn bị hung khí thực hiện hành vi phạm tội đến cùng chỉ vì có mâu thuẫn trong việc phân chia đất đai trong gia đình, đã thể hiện sự côn đồ. Hành vi của bị cáo Trần Thanh S đã

phạm vào tội “*Giết người*”, thuộc trường hợp “*Có tính chất côn đồ*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Ngoài ra, hung khí mà bị cáo dùng để giết người là 01 con dao bầu, cán bằng gỗ, bản rộng khoảng 10cm, lưỡi sắc và 01 con dao Thái Lan, cán màu đen, mũi nhọn, theo Kết luận giám định số 3433/KL-KTHS ngày 24/02/2026 của Phòng K Công an Thành phố H, kết luận về con dao Thái Lan thu giữ của Trần Thanh S sử dụng đâm ông Trần Thanh N, xác định: “*Mẫu cần giám định ký hiệu A3 (đã nêu ở mục II.1) là dao sắc, thuộc Phụ lục 5 “Danh mục có tính sát thương cao” nêu trong Thông tư số 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ C1*”, nên hành vi của bị cáo Trần Thanh S đã phạm vào tội “*Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 304 của Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Hội đồng xét xử nhận định hành vi của bị cáo Trần Thanh S là nguy hiểm cho xã hội và thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, trực tiếp xâm hại đến tính mạng con người và là em ruột của bị cáo, là khách thể đặc biệt được pháp luật bảo vệ, ngoài ra hành vi của bị cáo còn xâm phạm các quy định độc quyền của Nhà nước về chế tạo, quản lý vũ khí quân dụng, phương tiện kỹ thuật quân sự, đe dọa đến an ninh chính trị, gây nên dư luận xấu trong xã hội, ảnh hưởng đến trật tự trị an toàn xã hội, thể hiện ý thức coi thường và bất chấp pháp luật.

[2] *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự*: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào theo quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Trần Thanh S khai báo thành khẩn, thể hiện sự ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự, nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017. Quá trình chuẩn bị xét xử, bị cáo đã tác động gia đình nộp số tiền 300.000.000 đồng vào Thi hành án dân sự Thành phố H để bồi thường cho gia đình bị hại và tại phiên tòa các đại diện hợp pháp của bị hại đã xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo như đơn đề nghị tại hồ sơ vụ án, nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ đối với tội “*Giết người*” quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017, để Hội đồng xét xử cân nhắc giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo Trần Thanh S phạm tội khi chưa có tiền án, tiền sự, song hành vi phạm tội lần này của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, đã trực tiếp xâm hại đến tính mạng của người khác với tính chất côn đồ và đến cùng. Trên cơ sở xem xét các tình tiết giảm nhẹ, nhân thân, hoàn cảnh của bị cáo, nhất là sau khi gây án bị cáo tự sát không thành, cũng như xem xét đến tình trạng mẹ ruột của bị cáo khi chứng kiến một con ruột đã chết, một con ruột đang phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, Hội đồng xét xử cân nhắc,

xem xét hành vi phạm tội của bị cáo còn có thể cải tạo được, nên không cần thiết phải cách ly vĩnh viễn bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, song cũng cần phải xử bị cáo Trần Thanh S một mức án nghiêm khắc không thời hạn đối với tội “Giết người” và án tù có thời hạn đối với tội “Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng”, rồi tổng hợp hình phạt chung theo Điều 55 Bộ luật Hình sự. Việc áp dụng hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo mới tương xứng với hành vi, tội lỗi mà bị cáo Trần Thanh S đã gây ra mới có tác dụng giáo dục, răn đe cho xã hội.

[3] Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy bản Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, cũng như quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc truy tố bị cáo Trần Thanh S về tội “*Giết người*” và “*Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng*” theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 và khoản 1 Điều 304 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 là có cơ sở, đồng thời chấp nhận mức án tù không có thời hạn đối với tội “Giết người” và án tù có thời hạn đối với tội “Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng”, như đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị tại phiên tòa.

Lập luận trên đây cũng là cơ sở để chấp nhận quan điểm bào chữa của luật sư về các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Song không có cơ sở để chấp nhận xét xử bị cáo một mức án tù có thời hạn.

Đồng thời chấp nhận đề nghị của luật sư bảo vệ cho các đại diện hợp pháp của bị hại để xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo theo các quy định của pháp luật.

[4] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Hội đồng xét thấy trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, luật sư, bị cáo, các đại diện hợp pháp của bị hại cung cấp tài liệu chứng cứ phù hợp với các quy định của pháp luật; luật sư, bị cáo, các đại diện hợp pháp của bị hại không có người nào có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bà Trần Thị Kim L (vợ ông N) là đại diện theo ủy quyền của gia đình bị hại yêu cầu bồi thường tổng số tiền 2.552.000.000 đồng. Quá trình chuẩn bị xét xử bị cáo bị cáo đã tác động gia đình nộp số tiền 300.000.000 đồng nộp vào Thi hành án dân sự Thành phố H để bồi thường cho gia đình bị hại. Tại phiên tòa, bị cáo, bị hại đều không thỏa thuận được số tiền bị cáo phải bồi thường và đều đề nghị giải quyết theo các quy định của pháp luật, cụ thể như sau:

+ Về khoản tiền mai táng phí: Bà L yêu cầu tổng cộng là 230.000.000 đồng, cụ thể: Mua quan tài 90.000.000 đồng, chi phí ma chay 90.000.000 đồng, chi phí đưa linh cữu đến nơi chôn là 50.000.000 đồng. Bị cáo và bị hại đều thống nhất

khoản tiền này, nên Hội đồng xét xử thấy thỏa thuận này là tự nguyện, nên chấp nhận buộc bị cáo phải bồi thường khoản tiền này.

+ Về khoản tiền tổn thất về tinh thần: Bà L yêu cầu bồi thường mỗi đại diện hợp pháp của bị hại là 100 tháng lương cơ sở tương đương 234.000.000 đồng nhân với 3 người thành 702.000.000 đồng là không có cơ sở để xem xét, nên không chấp nhận toàn bộ yêu cầu này của các đại diện hợp pháp của bị hại, song chấp nhận buộc bị cáo phải bồi thường 100 tháng lương cơ sở là 234.000.000 đồng cho các đại diện hợp pháp của bị hại là phù hợp.

+ Về khoản tiền thu nhập thực tế của bị hại đã chết: Bà L yêu cầu tổng cộng là 1.620.000.000 đồng là không có cơ sở để xem xét, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu về khoản tiền bồi thường này của bà L, cũng như đề nghị của luật sư bảo vệ cho các đại diện hợp pháp của bị hại.

+ Đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi bà Trần Thị T1 (mẹ ruột của bị hại, bị cáo), do không có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét và dành quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác khi bà Trần Thị T1 khởi kiện theo các quy định của pháp luật.

Như vậy, Hội đồng xét xử buộc bị cáo Trần Thanh S phải bồi thường cho các đại diện hợp pháp của bị hại Trần Thanh N (đã chết) là bà Trần Thị T1 (là mẹ đẻ của bị hại), bà Trần Thị Kim L (là vợ của bị hại), Trần Thị Hồng H và Trần Thanh T3 (là các con ruột của bị hại), tổng cộng số tiền mai táng phí và tổn thất về tinh thần là 464.000.000 đồng, được trừ đi số tiền mà gia đình bị cáo đã nộp là 300.000.000 đồng, thì bị cáo phải tiếp tục bồi thường thêm là 164.000.000 đồng. Việc thực hiện giao nhận tiền trên tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền và được thi hành ngay đối với khoản bồi thường thiệt hại về sức khỏe, tính mạng, mặc dù bản án sơ thẩm có thể bị kháng cáo, kháng nghị.

Các đại diện hợp pháp của bị hại Trần Thanh N (đã chết) là bà Trần Thị T1 (là mẹ đẻ của bị hại), bà Trần Thị Kim L (là vợ của bị hại), Trần Thị Hồng H và Trần Thanh T3 (là các con ruột của bị hại) được nhận số tiền 300.000.000 (Ba trăm triệu) đồng tại Thi hành án dân sự Thành phố H. (Số tiền trên được nộp theo Biên lai thu tiền số 0010620 ngày 01/6/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố H).

[6] Về xử lý vật chứng thu giữ trong vụ án:

- 01 cán dao bằng nhựa màu đen; 01 lưỡi dao nhọn bằng kim loại có dính máu dài 12cm và chỗ rộng nhất của lưỡi dao rộng 3 cm; 01 cái chảo bằng kim loại, cán nhựa; 01 kính mắt bị gãy; 01 bao đựng dao tự chế bằng giấy; 01 cây kéo bằng kim loại có vỏ bọc cán màu đen dài 20cm gồm cán dài 9cm và lưỡi kéo dài 11 cm; 01 con dao rọc giấy, cán bằng nhựa màu xanh, lưỡi bằng kim loại; 01 con dao dài khoảng 30 cm, lưỡi bằng kim loại, cán gỗ; 01 cái thau nhựa; 01 áo sơ mi sooc caro; 01 quần tây dài bằng vải; 01 mũ bảo hiểm màu đỏ; 01 con dao dài khoảng 40 cm, lưỡi bằng kim loại, cán bằng gỗ; 01 đôi dép nhựa màu vàng; 01

mũ lưỡi trai màu xanh; 01 áo thun ngắn màu xám. Hội đồng xét xử thấy vật chứng này không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

- 01 đồng hồ của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, nên Hội đồng xét xử trả lại cho bị cáo. Song tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án.

[7] *Về án phí*: Bị cáo Trần Thanh S phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] *Về quyền kháng cáo*: Bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Về hình phạt: Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 39 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Trần Thanh S: tù Chung thân, về tội “*Giết người*”.

Căn cứ khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 55 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Trần Thanh S: 02 (H2) năm tù, về tội “*Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng*”. Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội danh, buộc bị cáo Trần Thanh S phải chịu hình phạt chung là tù Chung thân. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 11/3/2025.

2/ Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015; Áp dụng các Điều 357, 468; 584; 585; 591 của Bộ luật dân sự năm 2015; căn cứ điểm a khoản 2 Điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự,

Buộc bị cáo Trần Thanh S phải bồi thường thêm số tiền tổn thất tính mạng còn lại cho đại diện hợp pháp của bị hại Trần Thanh N (đã chết) là bà Trần Thị T1 (là mẹ đẻ của bị hại), bà Trần Thị Kim L (là vợ của bị hại), Trần Thị Hồng H và Trần Thanh T3 (là các con ruột của bị hại) số tiền là 164.000.000 (Một trăm sáu mươi bốn triệu) đồng.

Việc thực hiện giao nhận tiền trên tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền và được thi hành ngay đối với khoản bồi thường thiệt hại về sức khỏe, tính mạng, mặc dù bản án sơ thẩm có thể bị kháng cáo, kháng nghị.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án không thi hành khoản tiền nêu trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả thêm tiền lãi đối với số tiền chậm trả cho bên được thi hành án theo mức lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Các đại diện hợp pháp của bị hại Trần Thanh N (đã chết) là bà Trần Thị T1 (là mẹ đẻ của bị hại), bà Trần Thị Kim L (là vợ của bị hại), Trần Thị Hồng H và Trần Thanh T3 (là các con ruột của bị hại) được nhận số tiền 300.000.000 (Ba trăm triệu) đồng tại Thi hành án dân sự Thành phố H. (Số tiền trên được nộp theo Biên lai thu tiền số 0010620 ngày 01/6/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố H).

3/ Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017; căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

- Tịch thu tiêu hủy: 01 cán dao bằng nhựa màu đen; 01 lưỡi dao nhọn bằng kim loại có dính máu dài 12cm và chỗ rộng nhất của lưỡi dao rộng 3 cm; 01 cái chảo bằng kim loại, cán nhựa; 01 kính mắt bị gãy; 01 bao đựng dao tự chế bằng giấy; 01 cây kéo bằng kim loại có vỏ bọc cán màu đen dài 20cm gồm cán dài 9cm và lưỡi kéo dài 11 cm; 01 con dao rọc giấy, cán bằng nhựa màu xanh, lưỡi bằng kim loại; 01 con dao dài khoảng 30 cm, lưỡi bằng kim loại, cán gỗ; 01 cái thau nhựa; 01 áo sơ mi sooc caro; 01 quần tây dài bằng vải; 01 mũ bảo hiểm màu đỏ; 01 con dao dài khoảng 40 cm, lưỡi bằng kim loại, cán bằng gỗ; 01 đôi dép nhựa màu vàng; 01 mũ lưỡi trai màu xanh; 01 áo thun ngắn màu xám.

- Trả lại cho bị cáo Trần Thanh S: 01 đồng hồ. Song tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án.

(Các vật chứng nêu trên được liệt kê theo Biên bản giao nhận tang tài vật số NK2026/509, ngày 08/6/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh)

4/ Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và áp dụng Nghị quyết quyết định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, cùng danh mục án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Q,

Bị cáo Trần Thanh S phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng và án phí dân sự sơ thẩm 8.200.000 (Tám triệu, hai trăm nghìn) đồng.

5/ Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331; 332 và 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015,

Bị cáo và đại diện hợp pháp của bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 08 tháng 6 năm 2026) để yêu cầu xét xử phúc thẩm;

Đại diện hợp pháp của bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền làm đơn kháng cáo về quyền lợi ích hợp pháp của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo về quyền lợi ích hợp pháp của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7A, 7B và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao; (1)
- VKSND TPHCM; (3)
- CQ THAHS CA.TP.HCM; (1)
- CQCSĐT – CA.TP.HCM; (1)
- Trại tạm giam Chí Hòa; (1)
- Bị cáo; (1)
- Đương sự; (7)
- Người bào chữa; (1)
- THADS TPHCM; (1)
- P. PV06 - CA TPHCM; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (1)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ. (27) (8)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Hồng Sơn